

Số: 151/BC-HM

An Sơn, ngày 25 tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Của cơ sở thực hiện chương trình giáo dục mầm non
Năm học 2024-2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mẫu giáo Hoà Mi

2. Địa chỉ: Khối phố 8, phường An Sơn, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Điện thoại: 02353.659018

Website: <http://hoamitamky.edu.vn/>

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Trường MG Công lập

a. Sứ mạng:

Mỗi ngày đến trường là một ngày vui “Niềm vui của các con là niềm hạnh phúc của các con” Trường MG Hoà Mi là điểm phụ huynh tin tưởng gửi các con vào trường nơi mà gia đình và nhà trường cùng phối hợp giúp trẻ trở thành con người có ích cho xã hội. Từ đó nhà trường xây dựng nền tảng cho các con tương lai sáng.

b. Tầm nhìn:

Xây dựng trường Mẫu giáo Hoà Mi hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm nâng cao chất lượng giáo dục, phù hợp yêu cầu đổi mới của địa phương.

Tiếp tục duy trì, nâng chất lượng phổ cập giáo dục mầm cho trẻ em 5 tuổi trong những năm tiếp theo.

Nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao.

c. Mục tiêu:

Xây dựng nhà trường đạt chuẩn nâng cao việc chăm sóc giáo dục trẻ

Khuyến khích trẻ có khả năng tư duy độc lập phát triển về kiến thức một cách toàn diện.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Nhà trường được thành lập theo Quyết định số 3567/QĐ-UBND ngày 16 tháng 08 năm 2010 của UBND Thành phố Tam Kỳ về chuyển đổi trường Mẫu giáo bán công sang trường Mẫu giáo Công lập.

Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 và kiểm định chất lượng cấp độ 3.

Nhà trường có đội ngũ CB, GV, NV đầy đủ về số lượng và chất lượng, tư cách đạo đức tốt, có năng lực, nhiệt tình và năng động trong công tác, có kinh nghiệm

trong công tác quản lý và giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

Ban giám hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng văn bản chỉ đạo cấp trên, xây dựng kế hoạch chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho CB,GV,NV. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sư phạm.

Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện qui chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách của giáo viên.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho CB,GV,NV.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử

Họ và tên: Phạm Thị Phương Thảo

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mẫu giáo Hoà Mi

Khối phố 8, phường An Sơn, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Điện thoại: 0971.024422

Gmail: phuongthaomntk@gmail.com

Website: <http://hoamitamky.edu.vn/>

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập

Quyết định số 3567/QĐ-UBND ngày 16 tháng 08 năm 2010 của UBND Thành phố Tam Kỳ về chuyển đổi trường Mẫu giáo bán công sang trường Mẫu giáo Công lập.

b) Quyết định Hội đồng trường

Quyết định số 975/QĐ-PGDĐT ngày 01/10/2024 của Phòng GDĐT thành phố Tam Kỳ về việc bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường, trường Mẫu giáo Hoà Mi, thành phố Tam Kỳ nhiệm kỳ 2021-2025.

Danh sách thành viên hội đồng trường.

1.	Phạm Thị Phương Thảo	- Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	Nguyễn Hồng Thương	- Tổ trưởng văn phòng	Thư ký
3.	Lê Thị Thu Hà	- CTCD, Phó Hiệu trưởng	Thành viên

4.	Nhan Thị Trinh Nữ	- Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
5.	Trần Thị Ái Vân	- Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
6.	Hà Thị Kim Hồng	- Bí thư chi đoàn	Thành viên
7.	Nguyễn Thị Phương Trinh	- Tổ phó chuyên môn	Thành viên
8.	Phó chủ tịch UBND phường phụ trách VH-XH	- Đại diện lãnh đạo địa phương phường An Sơn	Thành viên
9.	Trưởng BDD cha mẹ trẻ	- Đại diện BDD cha mẹ trẻ.	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng

Hiệu trưởng:

Quyết định số 2679/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2024 của UBND Thành phố Tam Kỳ về việc chuyển công tác và bổ nhiệm giữ chức vụ quản lý.

Phó hiệu trưởng:

Quyết định số 8014/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2021 của UBND Thành phố Tam Kỳ về điều động và bổ nhiệm viên chức quản lý.

d) Quy chế tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

- Xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi của nhà trường.

- Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Chủ động đề xuất nhu cầu, tham gia tuyển dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường công lập; quản lý, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định. Công bố công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường trong quản lý hoạt động giáo dục.

- Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; quản lý trẻ em; tổ chức giáo dục hoà nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trong phạm vi được phân công; thực hiện hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non khác trên địa bàn nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục theo phân công của cấp có thẩm quyền.

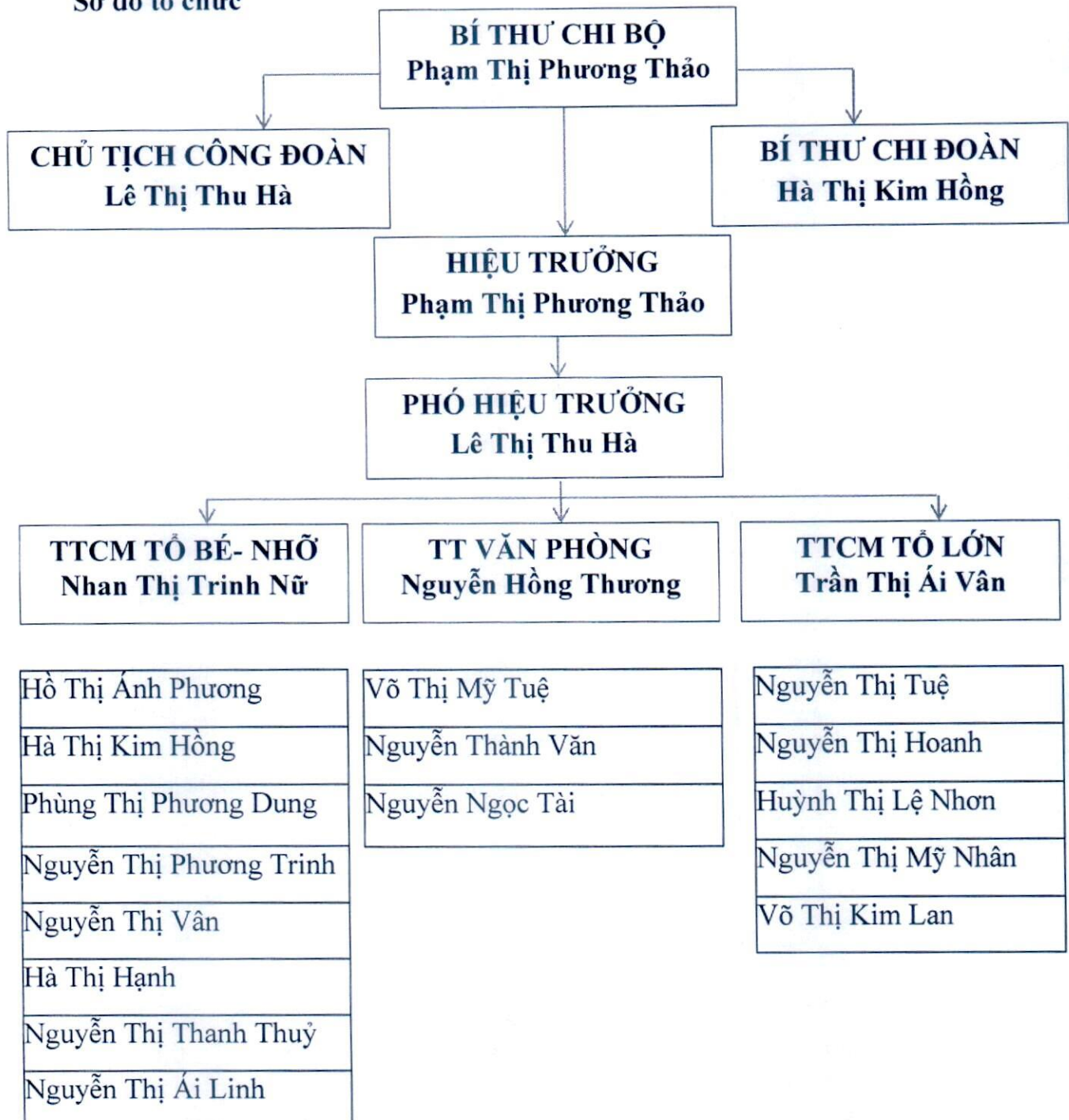
- Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa.

- Tham mưu với chính quyền, phối hợp với gia đình hoặc người chăm sóc trẻ em và tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động phù hợp trong cộng đồng.

10. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức



II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Dưới TC
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	
	Tổng số GV, CB quản lý và nhân viên	21						
I	Giáo viên	12			12			
1	Nhà Trẻ	0						
2	Mẫu giáo	12			12			
II	Cán bộ quản lý	2			2			
1	Hiệu trưởng	1			1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1			
III	Nhân viên	7			1		1	5
1	Nhân viên văn thư							
2	Nhân viên kế toán	1			1			
3	Nhân viên thủ quỹ							
4	Nhân viên y tế	1					1	
5	Nhân viên cấp dưỡng	3						3
6	Nhân viên vệ sinh MT							
7	Bảo vệ	2						2
8	Bảo mẫu							

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

TT	Nội dung	NH 2023 - 2024	NH 2024 - 2025
1	Cán bộ quản lý		
	Số lượng:	2	2
	Tỷ lệ	100 %	100 %
2.	Giáo viên		
	Số lượng:	12	12
	Tỷ lệ	100 %	100 %

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

TT	Nội dung	NH 2023 - 2024	NH 2024 - 2025
1	Cán bộ quản lý		
	Số lượng:	2	2
	Tỷ lệ	100 %	100 %
2.	Giáo viên		
	Số lượng:	12	12
	Tỷ lệ	100 %	100 %

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

TT	Nội dung	Năm học 2023 – 2024	Năm học 2024 - 2025	Yêu cầu theo qui định
1	Diện tích khu đất xây dựng	6.567,8 m ²	6.567,8 m ²	
	Điểm trường	1	1	
	Diện tích bình quân cho mỗi trẻ	37.7 m ² /trẻ	42m ² /trẻ	10m ² /trẻ
2	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ			
2.1	Phòng học (nuôi dạy, chăm sóc trẻ)	6 phòng/6 lớp	6 phòng/6 lớp	9 phòng/9 lớp
	Phòng sinh hoạt chung	6	6	9
	Phòng vệ sinh	6	6	9
	Phòng ngủ	0	0	9
	Phòng khác	0	0	
2.2	Khối phòng phục vụ học tập	2	2	5
	Thư viện	0	0	1
	Phòng thể chất	0	0	1
	Phòng nghệ thuật	1	1	1
	Phòng khác (vi tính+ LQTA)	1	1	2
2.3	Khối phòng tổ chức ăn	2	2	2
	Nhà bếp	1	1	1
	Nhà kho	1	1	1
2.4	Khối hành chính, quản trị	8	8	10
	Phòng Hiệu trưởng	1	1	1
	Phòng Phó Hiệu trưởng	1	1	2
	Văn phòng trường	1	1	1
	Phòng họp (Hội trường)	1	1	1
	Phòng hành chính, quản trị	1	1	1
	Phòng bảo vệ	1	1	1
	Phòng y tế	1	1	1
	Phòng truyền thống	0	0	0
	Phòng nhân viên	1	1	1
	Phòng khác (vệ sinh)	0	0	1
2.5	Khối công trình, công cộng	2	2	2
	Nhà xe giáo viên	1	1	1
	Phòng khác (vệ sinh)	1	1	1
3.	Số lượng thiết bị đồ dùng, đồ chơi hiện có	490	490	652
4	Số lượng đồ chơi ngoài trời	10	10	10

5	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác			
	Ti vi- kết nối CPU	6	6	Đủ
	Đàn	1	1	Đủ
	Máy scan	1	1	Đủ
	Máy vi tính	6	6	Đủ
	Loa kéo	2	2	Đủ
	Ti vi 55inch	1	1	Đủ
	Laptop	2	2	Đủ

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Kết quả tự đánh giá:

Trường MG Hoà Mi tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2. Trường thực hiện cải tiến chất lượng hằng năm.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm

Nhà trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3 theo Quyết định số 1008/QĐ-SGDĐT ngày 14/5/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam.

Nhà trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 theo Quyết định số 1028/QĐ-SGDĐT ngày 18/5/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Chương trình giáo dục: Thực hiện chương trình GDMN theo Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em

TT	Nội dung	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Tổng số lớp	6	6
	Mẫu giáo 3 tuổi	2	2
	Mẫu giáo 4 tuổi	2	2
	Mẫu giáo 5 tuổi	2	2

2	Tổng số trẻ	174	158
	Mẫu giáo 3 tuổi	43	30
	Mẫu giáo 4 tuổi	70	60
	Mẫu giáo 5 tuổi	61	68
3	Số trẻ học 2 buổi trên ngày	174	158
4	Số trẻ ăn bán trú	174	158
5	Số trẻ được theo dõi sức khỏe biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe	174	158
	Mẫu giáo 3 tuổi	43	30
	Mẫu giáo 4 tuổi	70	60
	Mẫu giáo 5 tuổi	61	68
6	Số trẻ phổ cập GDMNTE5T	61	68
7	Số trẻ khuyết tật	0	0
	Hòa nhập	0	0
	Không hòa nhập	0	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai tài chính năm 2023

STT	Nội dung	Quyết toán DT
A	Tổng số thu, chi tiền học phí	
1	Số thu phí, lệ phí	206.407.500
a	Học phí	206.197.500
b	Thu từ cấp bù học phí	210.000
2.	Chi từ nguồn thu phí được để lại	133.828.928
2.1	Chi giáo dục mầm non	133.828.928
a	Chi cho con người	15.167.707
b	Chi hoạt động	118.661.221

B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
1	Chi giáo dục mầm non	2.179.676.600
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.861.047.000
	Chi cho con người	1.588.625.743
	Chi hoạt động	272.421.257
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	169.292.000
	Chi lương hợp đồng bảo vệ	123.302.000
	Chi tiền dạy tiếng Anh cho trẻ 5 tuổi	32.200.000
	Chi kinh phí khen thưởng năm học 2022-2023	5.580.000
	Chi thực hiện chính sách nghị định 81/2021/NĐ-CP	210.000
	Chi gia hạn các phần mềm kế toán. QLTS, QLTL	8.000.000
1.3	Kinh phí cải cách tiền lương	149.337.600

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về miễn giảm học phí và hỗ trợ ăn trưa, chi phí học tập đối với người thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm 2023.

STT	Nội dung	Số tiền
	Đối tượng miễn, giảm học phí theo nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của chính phủ	472.500
1	Hỗ trợ ăn trưa 3,4,5 tuổi	0
2	Hỗ trợ chi phí học tập	0
3	Hỗ trợ giảm 50% học phí (01 trẻ)	472.500

3. Số dư các quỹ năm 2023

- Quỹ tiền mặt: 0đ

- Kinh phí ngân sách chuyển sang năm sau tiếp tục thực hiện: 41.786.000 đồng, bao gồm: Nguồn lương thay đổi CDNN năm 2024, số tiền: 9.586.000đ, Nguồn kinh phí dạy tiếng Anh cho trẻ 5 tuổi, số tiền: 32.200.000đ.

4. Công khai tài chính thời điểm quý 3 năm 2024

STT	Nội dung	Số tiền chi đến Quý 3 năm 2024
A	Tổng số thu, chi tiền học phí	
1	Số thu phí, lệ phí	83.619.500
a	Học phí	83.357.000
b	Thu từ cấp bù học phí	262.500
2.	Chi từ nguồn thu phí được để lại	58.431.000
2.1	Chi giáo dục mầm non	58.431.000
a	Chi cho con người	0
b	Chi hoạt động	58.431.000
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
1	Chi giáo dục mầm non	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.006.976.905
	Chi cho con người	1.800.294.136
	Chi hoạt động	206.682.769
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	40.462.500
	Chi tiền dạy tiếng Anh cho trẻ 5 tuổi	32.200.000
	Chi thực hiện chính sách nghị định 81/2021/NĐ-CP	262.500
	Chi gia hạn các phần mềm kế toán. QLTS, QLTL	8.000.000
1.3	Kinh phí cải cách tiền lương	0

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non

Ban giám hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên.

2. Thực hiện các kế hoạch, đề án

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong đề án và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện. Đến thời điểm hiện tại các kế hoạch, đề án của nhà trường thực hiện đúng tiến độ.

3. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế

Công tác xã hội hóa tại nhà trường đạt được kết quả khả quan.

Nhà trường nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía địa phương, hội khuyến học phường, và các bậc phụ huynh trong nhà trường.

4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Nhà trường đang thực hiện thí điểm chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục giai đoạn 2022 -2025. Xây dựng kho tài liệu trực tuyến dùng chung. Nhà trường áp dụng tốt các phần mềm như MISA, phần mềm bảo hiểm xã hội, kê khai thuế, dịch vụ công, quản lý tài sản công, cơ sở dữ liệu ngành, quản lý trang website, fanpage... Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo. Tiếp tục triển khai rà soát, hoàn thiện, cập nhật mã định danh của trẻ; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo đúng quy định. Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

5. Công tác truyền thông

Nhà trường đã đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non, các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua bảng tin tuyên truyền của trường, lớp, qua website và trang mạng xã hội.

Trên đây là báo cáo thường niên của cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục mầm non năm học 2024-2025.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT(báo cáo);
- ĐU, HĐND, UBND, UBNDTQVN phường (báo cáo);
- Công đoàn (Phối hợp);
- Các tổ CM(Để thực hiện);
- Lưu: Hồ sơ quản lý, VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Phương Thảo